

## PHÂN TÍCH CHUỖI CUNG ỨNG NGÀNH HÀNG GẠO: TRƯỜNG HỢP GẠO TỪ CÁNH ĐỒNG LỚN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

Trần Hồng Đan Yến\*, Bùi Văn Trịnh\*\*

### TÓM TẮT

*Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích thực trạng chuỗi cung ứng ngành hàng gạo: trường hợp gạo từ cánh đồng lớn (CĐL) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bước đầu hoạt động của chuỗi mang lại một số hiệu quả đáng kể, sản xuất tập trung, chi phí sản xuất giảm, tạo ra lúa hàng hóa chất lượng cao, ổn định. Tuy nhiên, các tác nhân trong chuỗi thiếu sự liên kết, đầu ra chưa được đảm bảo, chủ yếu bán cho thương lái, là những nguyên nhân làm cho chuỗi hoạt động không mang lại hiệu quả như kỳ vọng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp đối với từng tác nhân chính tham gia trong chuỗi để thúc đẩy hoàn thiện hơn chuỗi cung ứng cho ngành hàng gạo từ cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

*Từ khóa: Chuỗi cung ứng, cánh đồng lớn, ngành hàng gạo.*

### ABSTRACT

*The objective of the study is to analyze the situation of the rice sector supply chain: the case of rice from the big field (CĐL) in the province of Vinh Long. The study results showed that the initial operation of the chain brought some significant efficiency such as centralized production, reducing production costs, creating high quality commercial rice, and stability. However, the agents in the chain link, the output not being guaranteed, mainly selling to traders, are the causes of a series of activities not being effective as it is expected. From this, the author proposed a number of solutions for each main agent that involved in the chain to promote the supply chain for rice market from big field in the province of Vinh Long more completely.*

*Keywords: Supply Chain, the big field, the rice sector.*

### 1. Đặt vấn đề

Phát triển cánh đồng lớn là chủ trương và là mục tiêu hành động của các ngành, các cấp, đã được Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn phát động từ năm 2011, tạo điều kiện cho mô hình cánh đồng lớn ngày càng phát triển rộng rãi và đã gặt hái được thành

công bước đầu. Tuy nhiên, vì mô hình này còn mới, cho nên vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần được khắc phục, như nhiều cánh đồng lớn năng suất chưa cao, đầu ra không ổn định. Vì vậy, cần phải đánh giá thực trạng sản xuất gạo từ cánh đồng lớn, để xây dựng một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, phục vụ cho việc tồn tại và phát triển bền vững của cánh đồng lớn trong bối cảnh thị trường gạo hiện nay. Cho nên, việc “**Phân tích chuỗi cung ứng ngành hàng gạo: Trường hợp gạo từ cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**” là vấn đề cần thiết phải được nghiên cứu.

\* Thạc sĩ, Phòng Đào tạo, Trường Đại học Cửu Long

\*\* Phó Giáo sư – Tiến sĩ, Nhà Xuất bản Trường Đại học Cần Thơ

## 2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Mục tiêu của nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đạt được 3 mục tiêu cụ thể như sau:

(1) Đánh giá thực trạng xây dựng chuỗi cung ứng gạo từ cánh đồng mẫu lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

(2) Phân tích các tác nhân ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng gạo từ cánh đồng lớn mẫu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

(3) Gợi ý giải pháp hoàn thiện và phát triển chuỗi cung ứng gạo cho địa bàn nghiên cứu.

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu

Nhằm thực hiện được 3 mục tiêu nghiên cứu như trên, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

Để có thông tin thực hiện nghiên cứu, tác giả phỏng vấn 150 nông hộ và chuyên gia, trong khoảng thời gian từ 02/2015 đến 12/2015, tại 03 địa phương của tỉnh Vĩnh Long được chọn làm địa bàn nghiên cứu là các huyện: Vũng Liêm, Long Hồ và Tam Bình.

Số liệu được thu thập bao gồm: Số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp.

- Thông tin thứ cấp được thu thập qua các báo cáo thường niên, tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, báo, internet ...

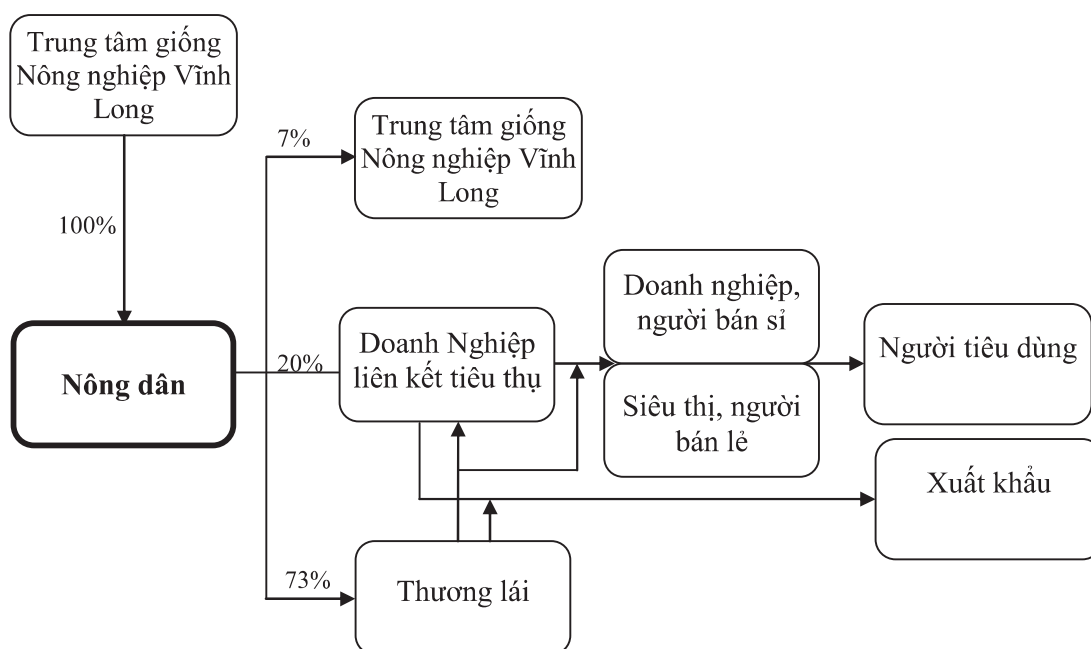
- Thông tin sơ cấp được thập từ phỏng vấn trực tiếp các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng: người cung cấp đầu vào, người trồng lúa, đại lý, doanh nghiệp. Kết hợp phỏng vấn sâu chuyên gia, đánh giá nông dân có sự tham gia (PRA).

Ngoài phương pháp PRA, nghiên cứu còn được sử dụng các phương pháp như thống kê mô tả, sơ đồ chuỗi, so sánh và một số phương pháp phân tích khác.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1 Chuỗi cung ứng ngành hàng gạo

Mô hình chuỗi cung ứng ngành hàng gạo tỉnh Vĩnh Long được thể hiện qua hình 1 dưới đây:



Hình 1: Chuỗi cung ứng ngành hàng gạo được sản xuất từ CDL lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long  
(Nguồn: Nghiên cứu của tác giả, 2015)

Chuỗi cung ứng ngành hàng gạo được sản xuất từ cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, chưa thực sự có sự gắn kết hợp tác giữa các tác nhân để có được một chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tối ưu, bền vững, có khả năng tạo một vị thế phát triển bền vững, ổn định.

Qua khảo sát cho thấy, trong chuỗi cung ứng mặt hàng gạo từ CĐL trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long các tác nhân liên kết theo 1 chiều, nhà cung cấp (Sở Nông nghiệp & PTNN Tỉnh Vĩnh Long) cung cấp giống lúa đầu vào cho nông dân sản xuất như vậy nông dân sản xuất theo yêu cầu tiêu chuẩn, kỹ thuật của nhà cung cấp đưa ra nhưng ngược lại, giá cả lượng lúa tiêu thụ lại phụ thuộc hoàn toàn vào khách hàng (Doanh nghiệp liên kết tiêu thụ, Trung tâm giống Nông nghiệp Vĩnh Long, thương lái) hay nói cách khác nông dân sản xuất lúa lại hoàn toàn bị động trong quá trình tìm đầu ra cho sản phẩm. Như vậy, trên thực tế người nông dân luôn bị thua thiệt, điệp khúc trúng mùa rớt giá luôn là gánh nặng cho nông dân và Nhà nước.

### **3.2 Phân tích chuỗi cung ứng ngành hàng gạo**

#### **3.2.1 Phân tích kết quả hoạt động của các tác nhân trong chuỗi cung ứng gạo**

Qua phân tích số liệu sơ cấp ta thấy:

Thời gian nông dân tham gia CĐL từ 2 năm 34%, 3 năm 62%, 4 năm trở lên 4%, ngoài nguồn thu từ việc trồng lúa 100% các nông dân đều có thêm thu nhập nhờ vào các nguồn thu khác như kinh doanh, trồng hoa màu, chăn nuôi. Năng suất lúa trung bình đạt từ 6-7,5 tấn/ha/vụ. Riêng vụ Đông Xuân năng suất lúa thường đạt cao hơn các vụ khác 7-8 tấn/ha.

Nguồn nguyên liệu đầu vào lúa giống do trung tâm giống nông nghiệp Vĩnh Long cung

cấp được nông dân đánh giá 100% chất lượng sản phẩm tốt, dịch vụ do trung tâm cung cấp giống đạt 100% mức độ hài lòng. Trong quá trình trồng lúa được sự hỗ trợ tập huấn kỹ thuật trồng trọt như điều trị khi lúa bị dịch bệnh, những thay đổi tăng trưởng cây lúa do khí hậu, cũng như cung cấp thuốc bảo vệ thực vật trên CĐL 100% do công ty BVTV An Giang cung cấp, về mặt dịch vụ, chất lượng thuốc của công ty 100% nông dân đánh giá là tốt và hài lòng. Đối với phân bón thì chưa được công ty nào hỗ trợ, 100% nông dân phải mua phân bón của nhiều công ty như DAP Hồng Hà Trung Quốc, Đạm Cà Mau, phân bón Cửu Long, thông qua các đại lý ở địa phương. Hình thức giao hàng tận nơi, thanh toán trả sau khi kết thúc vụ, tuy nhiên qua thống kê 100% cho rằng chất lượng phân bón tốt nhưng về dịch vụ 7% cho rằng khả năng vận chuyển của nhà cung cấp kém, 17% trung bình, 76 % tốt.

Tiêu thụ lúa nhờ vào việc thu thập thông tin và kinh nghiệm sản xuất của người trồng lúa. Phần lớn lượng lúa trên CĐL chủ yếu bán cho thương lái chiếm 73%, các Doanh Nghiệp Liên kết tiêu thụ chiếm 20%, và cuối cùng Trung tâm giống Nông nghiệp Vĩnh Long thu mua chiếm 7%.

Đánh giá lợi nhuận từ chuỗi không tính chi phí được hỗ trợ 50% lúa giống vì chi phí này không đáng kể, chỉ áp dụng cho vụ Đông Xuân, và thời gian hỗ trợ là 5 năm. Trong chuỗi cung ứng ngành hàng gạo, nguồn nguyên liệu đầu vào được đảm bảo do trung tâm Nông nghiệp Vĩnh Long cung cấp. Tuy nhiên, đầu ra phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm và khả năng thu thập thông tin của nông hộ nên việc tiêu thụ chưa ổn định. Cụ thể, lợi nhuận của hộ nông dân trong mô hình chuỗi cung ứng ngành hàng gạo được thể hiện qua bảng 1:

Bảng 1: Lợi nhuận trên một ha sản xuất lúa

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Đông Xuân	Hè Thu	Thu Đông
<b>I</b>	<b>Chi phí vật chất 1 ha</b>			
1	Giống	1.250.000	1.375.000	1.375.000
2	Phân bón	4.959.000	5.216.000	5.332.000
3	Thuốc BVTV	4.086.000	4.607.300	4.766.000
<b>II</b>	<b>Chi phí lao động 1 ha</b>	4.211.400	4.211.400	4.211.400
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>	1.868.000	1.868.000	1.868.000
<b>IV</b>	<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>16.374.400</b>	<b>17.277.700</b>	<b>17.552.400</b>
1	Năng suất 1ha (kg/ha)	7800	7300	7000
2	Giá bán lúa (đồng/kg)	4700	4750	4800
<b>V</b>	<b>Tổng thu = NS x Giá bán (đồng/ha)</b>	<b>36.660.000</b>	<b>34.675.000</b>	<b>33.600.000</b>
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận 1 ha = Tổng thu – Tổng chi (đồng/ha)</b>	<b>20.285.600</b>	<b>17.397.300</b>	<b>16.047.600</b>

(Nguồn: Số liệu điều tra nông hộ của tác giả)

=> **Lợi nhuận trung bình = 20.285.600 + 17.397.300 + 16.047.600 = 53.730.500 đồng/ha**

Diện tích canh tác lúa của nông dân không nhiều, khoảng 96% nông dân không phải chi trả các chi phí như thuê sạ, dặm lúa, xịt thuốc BVTV, bón phân, sửa bờ. Do đó trong bảng 1.1 phần lớn nông dân không phải trả thêm phần chi phí khác.

### 1.1.2 Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của chuỗi cung ứng ngành hàng gạo

#### Điểm mạnh

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa, hệ thống sông ngòi chằng chịt, có lượng phù sa màu mỡ do sông Tiền và sông Hậu bồi đắp quanh năm, kết hợp với hệ thống kênh mương nội đồng giúp tạo khả tưới tiêu và thoát nước tốt;

- Phát triển CĐL là chủ trương và là mục tiêu hành động của Tỉnh. Nông dân còn được hưởng những chính sách hỗ trợ về cơ sở hạ

tầng, chi phí lúa giống, chi phí trang bị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;

- Sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap, nông dân được tham gia các lớp tập huấn, lúa đạt chất lượng cao, nên giá bán thường ổn định và cao hơn các loại lúa thông thường khác.

#### Điểm yếu

- Chưa tạo được thương hiệu lúa gạo;

- Việc tiêu thụ lúa gạo còn nhiều khó khăn, nông dân tiêu thụ sản phẩm luôn ở thể bị động;

- Năng suất lúa trên cánh đồng không đồng đều, chưa phát huy hết năng suất hoạt động.

- Kinh phí hỗ trợ của dự án còn hạn chế so với nhu cầu thực tế, chưa có doanh nghiệp hay tổ chức tín dụng có những cơ chế hỗ trợ đầu tư lâu dài;

- Doanh nghiệp gặp khó khăn khi xuất khẩu gạo.

**Cơ hội**

- Trong sản xuất nông nghiệp, cây lúa vẫn là cây trồng chủ lực;

- Giảm được chi phí thu mua, vận chuyển, đạt được mục tiêu hạ giá thành sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, các Doanh nghiệp còn được hưởng một số chính sách ưu đãi của nhà nước.

**Thách thức**

- Giá cả thị trường đầu ra không ổn định, gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của người trồng lúa;

- Gạo Việt Nam chủ yếu xuất khẩu vào các phân khúc thị trường cấp thấp, việc Chính phủ Thái Lan từ năm 2013 trở đi không áp dụng chương trình thế chấp gạo nhằm giải quyết lượng gạo tồn kho đã xuống cấp và phân khúc thị trường cấp thấp của Việt Nam đang gặp áp lực cạnh tranh gay gắt về giá, nhất là các thị trường truyền thống của Việt Nam như Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Indonesia;

- Việt Nam còn là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu.

**3.3 Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng ngành hàng gạo**

Mặc dù đã gặt hái được nhiều thành công trong quá trình triển khai xây dựng CDL trong những năm qua, nhưng còn rất nhiều hạn chế cần được khắc phục: về mặt chủ quan thiếu sự liên kết, chuỗi cung ứng qua nhiều trung gian, chế biến chưa tối ưu, ảnh hưởng đến chất lượng, thu nhập nông dân, khả năng cạnh tranh của mặt hàng gạo, về mặt khách quan chịu sự cạnh tranh ngày càng cao của nhiều nhà xuất khẩu trong và ngoài nước đối với thị trường lúa gạo, cạnh tranh nguồn lực với các ngành sản xuất nông nghiệp-phi nông nghiệp khác, chịu tác động ngày càng phức tạp của biến đổi khí hậu. Những nguyên nhân chính gây nên những khó khăn cho các tác nhân tham gia chuỗi, các giải pháp, cách giải quyết cụ thể trong ngắn hạn và trong dài hạn sẽ được thể hiện qua bảng 2 sau đây:

*Bảng 2: Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng mặt hàng gạo từ CDL trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Long*

Hạn chế của chuỗi	Khó khăn chính	Nguyên nhân	Giải pháp	Người giải quyết	Cách giải quyết cụ thể	
					Ngắn hạn	Dài hạn
<b>I. Đầu vào</b>						
<b>1. Giống</b>	Thiếu giống chất lượng	Số hộ nông dân tham gia ít	Vận động nông dân tham gia sản xuất	Sở Nông nghiệp & PTNN	Lập kế hoạch sản xuất và cung ứng giống theo từng vụ	- Tiếp tục hỗ trợ lúa giống - Đặt hàng, hợp đồng với Viện nghiên cứu lúa ĐBSCL
				TT Giống VL	Mua lúa giống từ các Tỉnh khác	Tăng cường sản xuất & quản lý lúa giống

<b>2. Phân bón</b>	Giá phân bón cao, sử dụng nhiều.	Chủ yếu sử dụng phân vô cơ	Doanh nghiệp hỗ trợ phân bón và kỹ thuật bón phân.	Nông dân	Kết hợp phân hữu cơ và phân vi sinh	Sử dụng nguồn phân hữu cơ
				Nhà sản xuất	Hỗ trợ kỹ thuật	Tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật nông dân các loại vật tư nông nghiệp
<b>3. Thuốc BVTV</b>	Chi phí cao	Sử dụng nhiều	Sử dụng các chế phẩm sinh học,	Nông dân	Chỉ nên dùng thuốc khi thật sự cần đến,	. Sử dụng các chế phẩm sinh học, hạn chế sử dụng các loại thuốc hóa
				Nhà sản xuất	Tập huấn kỹ thuật	Tập huấn kỹ thuật phun thuốc an toàn,
<b>4. Lao động</b>	Nguồn lực giảm, chi phí thuê cao.	Thiếu hụt lao động	Tăng cường cơ giới hóa vào trong sản xuất.	Cấp Tỉnh	Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư cơ giới hóa.	Tiếp tục hỗ trợ và hình thành thêm tổ dịch vụ phục vụ sản xuất.
				Cấp Nhà nước	Ban hành những chính sách hỗ trợ, khuyến khích	Tiếp tục hỗ trợ vốn,
				Doanh nghiệp	Các loại vật tư nông nghiệp, cấp vốn thông qua ứng trước vật tư, và trả sau khi thu hoạch.	Liên kết lâu dài

<b>II. Sản xuất</b>						
<b>1. Quy mô</b>	hỗ trợ đầu tư cơ giới,	Một số chủng loại máy móc như máy cày, máy san bằng mặt ruộng chưa được quan tâm, nông dân sở hữu đất canh tác không nhiều	Trang bị thêm máy móc	Nông dân	Vay vốn	Tiết kiệm chi tiêu
				Cấp Nhà nước	Xem xét hỗ trợ nhu cầu vay vốn	Ban hành những chính sách hỗ trợ,
<b>2. Năng suất</b>	Chưa đồng đều	Trình độ không đồng đều	Trực tiếp hướng dẫn canh tác,	Nông dân	Tham gia tập huấn	Ghi chép đầy đủ những diễn biến trong quá trình canh tác vào sổ ghi chép
				Nhà khoa học	Tập huấn cho nông dân	Quản lý dịch bệnh,
<b>3. Chất lượng</b>	Giá trị hạt gạo tạo ra chưa cao,	Chưa tạo được thương hiệu gạo chất lượng cao	Tạo vùng nguyên liệu chất lượng cao	Sở Nông nghiệp & PTNN	Chọn những giống lúa phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước	Kết hợp với Viện nghiên cứu lúa ĐBSCL, trung tâm giống tìm ra những giống lúa làm tăng giá trị hạt gạo
				Doanh nghiệp	Tạo dựng thương hiệu sản phẩm gạo riêng, tiến hành quảng bá sản phẩm	Xây dựng những vùng nguyên liệu

<b>III. Thu hoạch</b>						
<b>1. Bảo quản</b>	Chưa có hệ thống bảo quản	Thiếu nhà đầu tư,	Kêu gọi đầu tư	Doanh nghiệp	Hỗ trợ nông dân bảo quản.	Tạo những kho chứa nguyên liệu
<b>2. Vận chuyển</b>	Chi phí còn cao	phục vụ sản xuất còn ít	Vận động xây dựng thêm các tổ hợp tác	Nhà khoa học	trang bị máy móc thiết bị	Ban hành những chính sách hỗ trợ nông dân, tổ hợp tác
<b>3. Lưu kho</b>	Chưa có hệ thống kho chứa	Chi phí xây dựng cao	Kêu gọi đầu tư	Doanh nghiệp	Hỗ trợ nông dân	Tạo những kho chứa nguyên liệu với công nghệ đạt tiêu chuẩn.
<b>IV. Tiêu thụ</b>						
<b>1. Nông dân tiêu thụ</b>	chủ yếu bán cho thương lái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông dân bán lúa tươi.</li> <li>- Doanh nghiệp chưa làm tốt vai trò bao tiêu sản phẩm.</li> <li>- Các hợp tác xã và tổ hợp tác chưa làm tốt khâu dân là cầu nối giữa doanh nghiệp và nông dân.</li> </ul>	- Chủ động tìm hợp đồng sản xuất.	Tổ trưởng nông dân	Chủ động tìm kiếm nơi tiêu thụ ổn định	Tham gia các cuộc hội thảo, các hội chợ nông nghiệp
				Doanh nghiệp	Thu mua trực tiếp từ nông dân	Chủ động tìm vùng nguyên liệu đạt chuẩn, liên kết sản xuất
				Các hợp tác xã và tổ hợp tác	Làm tốt vai trò cầu nối của mình	Tìm kiếm những doanh nghiệp có tiềm lực về kinh tế hợp tác sản xuất.
				Cấp Nhà nước	Tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp	Thực hiện các chính sách khuyến khích liên kết sản xuất



<b>2. Doanh nghiệp</b>	Chưa tìm được thị trường ổn định,	Chưa tạo được sản phẩm đặc trưng riêng	Tìm kiếm thị trường tiềm năng trong và ngoài nước.	Doanh nghiệp	Tìm vùng sản xuất nguyên liệu đạt chuẩn, ổn định.	Đầu tư cho khâu chế biến, nâng cao chất lượng hạt gạo. Xây dựng vùng nguyên liệu từ khâu sản xuất cho đến tiêu thụ.
				Cấp Nhà Nước	Ban hành các chính sách hỗ trợ quảng bá thương hiệu	Ban hành các chính sách hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp.

(Nguồn: Tổng hợp, 2015)

Qua bảng 2 ta thấy, để chuỗi hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững, ổn định. Doanh nghiệp cần quan tâm xem đây là vùng nguyên liệu chiến lược, gắn kết chặt chẽ, với quyền lợi của nông dân và doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, trực tiếp thu mua tại CDL, không qua thương lái nhằm giảm bớt được chi phí sản xuất trung gian.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

**- Đối với nông hộ sản xuất lúa gạo:** Là tác nhân chính và là tác nhân đầu tiên quyết định là các yếu tố đầu vào nhưng lợi nhuận mang lại theo kết quả phân tích được thì chưa cao, do chi phí cho giống, phân bón, thuốc trừ sâu, lao động, còn cao, giá bán lại không ổn định, bị thương lái ép giá. Để sản xuất mang lại hiệu quả cao, bền vững, nông dân cần phải tiếp tục tham gia áp dụng các kỹ thuật đã được tập huấn vào canh tác lúa, nên kết hợp sử dụng phân bón hữu cơ chăn nuôi, rơm rạ, kết hợp phân vi sinh tạo lượng phân bón, giảm giá thành sản xuất, tái tạo lại đất trồng. Kết hợp việc sử dụng các thuốc BVTV từ chế phẩm sinh học, tránh làm hại và tạo môi trường thích hợp cho những thiên địch

phát triển, cập nhật thông tin dịch hại có biện pháp phòng tránh kịp thời vì chi phí cho việc mua thuốc BVTV và thuê lao động xịt thuốc cũng còn rất cao.

**- Đối với doanh nghiệp:** Để tạo vị thế cạnh tranh thị trường trong và ngoài nước, doanh nghiệp phải chủ động trong liên kết thị trường với nông dân, hỗ trợ vật tư nông nghiệp, giống chất lượng cao, cấp vốn bằng hình thức ứng trước vật tư nông nghiệp, tập huấn cho nông dân các quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến. Thành lập thêm kho bảo quản lưu trữ lúa đạt chất lượng cho nông dân ký gởi khi giá lúa tiêu thụ thấp, tiến đến tạo thành vùng nguyên liệu ổn định sản xuất với quy mô hàng hóa lớn. Tiếp tục đầu tư chuẩn hóa các qui trình sản xuất theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, an toàn cho người tiêu dùng.

**- Đối với Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Long:** Lập kế hoạch sản xuất và cung ứng giống theo từng vụ. Theo dõi cập nhật những diễn biến trên đồng ruộng, đưa ra những biện pháp phòng trừ sâu bệnh kịp thời cho nông dân, gắn kết ngày càng chặt chẽ về hoạt động

sản xuất lúa giống. Kết hợp Trung tâm giống Nông nghiệp Vĩnh Long nắm bắt nhu cầu của thị trường trong, ngoài Tỉnh, xuất khẩu để xây dựng kế hoạch sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa phù hợp với điều kiện từng CĐL trên địa bàn Tỉnh.

Tổ chức các cuộc hội thảo nông dân trao đổi kinh nghiệm, tiêu thụ sản phẩm giữa các tổ sản xuất.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm giống nông nghiệp tập huấn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới cho nông dân, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ, lai tạo giống mới.

**- Đối với cấp Nhà nước:** Chính phủ cần có những cơ chế ưu tiên như chính sách hỗ trợ đất đai, thuế, hỗ trợ kinh phí, ưu tiên vay vốn, chỉ tiêu xuất khẩu gạo, cho những doanh nghiệp tham gia tốt mô hình CĐL.

Chỉ đạo kịp thời cho nông dân ứng phó với những biến đổi khí hậu, hỗ trợ cho các Tỉnh kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Hỗ trợ cho nông dân tham gia CĐL vay vốn sản xuất, và mở rộng diện tích canh tác.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Hồng Đan Yến, 2015. Phân tích chuỗi cung ứng ngành hàng gạo: trường hợp cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Cửu Long. Huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long
- [2] Đoàn Thị Hồng Vân, 2011. Quản trị cung ứng. Tái bản lần 1. Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Lambert, Douglas M., James R. Stock and Lisa M. Ellram, 1998. Strategic Logistic Management. MA: Irwin/McGraw-Hill. Boston, Chap 14.
- [4] Michael Hugo, 2011. Essentials of supply chain management, third Editons. Published by John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey. Canada.
- [5] Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, 2014. Báo cáo số: 249 /BC-UBND về việc “Báo cáo thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội – quốc phòng – an ninh năm 2014”, truy cập ngày 15/3/2015. Địa chỉ: <http://qppl.vinhlong.gov.vn/Default.aspx?tabid=216&mode=2&catid=47>
- [6] Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long (2012). Quyết định số: 1613 /BC-UBND về việc “Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020”, truy cập ngày 15/3/2015. Địa chỉ: [http://luatvn.net/van-ban-phap-luat/quyet-dinh-1613\\_qd\\_ubnd.1.155618.html](http://luatvn.net/van-ban-phap-luat/quyet-dinh-1613_qd_ubnd.1.155618.html).

*Ngày nhận bài: 5/6/2017*

*Ngày gửi phản biện: 9/12/2017*